

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày: 26 -9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sơn

Bà Hồ Thị Minh Tâm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu –Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Thị Nhị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Phan Văn U (tên gọi khác Ch), sinh ngày 11/5/2000 tại huyện Th , tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp Tr 2, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật Giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B, sinh năm 1972 và bà Phan Thị Ng, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp Tr 2, xã V, huyện Th, tỉnh An Giang, lớn lên đi học đến lớp 9, thì nghỉ học ở nhà làm thuê phụ giúp gia đình.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Chị Trần Thị Thu Tr (Th), sinh năm:1986

Cư trú: ấp V, xã VT, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1/ Ông Trần Văn B sinh năm:1972

Nơi cư trú: Ấp Tr 2, xã VP, huyện Th, tỉnh An Giang

2/ Ông Lê Hữu Đ, sinh năm: 1988

3/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Ấp V, xã VN, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/02/2018, Trần Phan Văn U đến nhà chị Trần Thị Thu Tr (Th) thuộc ấp V, xã VN, huyện C, tỉnh An Giang để làm phụ hồ cho nhà chị Tr. Đến 14 giờ cùng ngày U nhìn thấy 01 điện thoại hiệu Iphone 6s Plus màu vàng đang để trên tủ bán vàng, U quan sát xung quanh không có người nên lấy trộm điện thoại, tắt nguồn và bỏ vào túi quần, rồi ra làm phụ hồ tiếp. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, chị Tr đi về phát hiện máy điện thoại mất trộm, nên truy hô và tìm xung quanh, nhưng không gặp. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày U mang điện thoại trộm được của chị Tr cất giấu vào hộp giấy dưới băng ghế đá (cách nhà chị Tr khoảng 05 mét). Sau đó, U dọn dẹp dụng cụ làm hồ xong, U trở lại băng ghế đá và lấy điện thoại. Trên đường về U ném bỏ sim điện thoại số 0946.087.197 và ốp lưng màu đỏ, còn điện thoại hiệu Iphone 6s Plus màu vàng U mang về nhà cất giấu. Khoảng 08 giờ ngày 02/02/2018, U tiếp tục đến nhà chị Tr làm phụ hồ, chị Tr hỏi lại U có lấy điện thoại không, nhưng U không thừa nhận, sau đó chị Tr đến Công an xã VN trình báo về việc mất trộm điện thoại.

Công an xã VN tiến hành mời U làm việc, U thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại di động của chị Tr. Ngày 04/6/2018, Trần Phan Văn U bị khởi tố điều tra.

Tại cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 28/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang truy tố bị cáo Trần Phan Văn U về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị áp dụng:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36,91,100 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Phan Văn U mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn kể từ ngày Tòa án giao bị cáo cho UBND xã VP, huyện Th, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Về trách nhiệm dân sự : Chị Tr (bị hại) đã nhận lại tài sản bị mất 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus 16GB màu vàng, yêu cầu bồi thường ốp lưng điện

thoại màu đỏ trị giá 15.000đ (Mười lăm ngàn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị HĐXX chấp nhận

Bị cáo Trần Phan Văn U khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai nhận tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật được thu giữ, kết luận định giá và những chứng cứ khác đã được thu thập được trong quá trình điều tra. Đủ căn cứ xác định khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/02/2018 bị cáo lợi dụng sơ hở đã lén lút lấy 01 điện thoại hiệu Iphone 6S Plus 16GB màu vàng đang để trên tủ bán vàng của chị Trần Thị Thùy Tr đem về nhà cất giấu. Căn cứ kết luận định giá tài sản số 12/KL.HĐ ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện C xác định tài sản bị cáo lấy trộm có giá trị: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 16 GB, màu vàng đã qua sử dụng, có giá trị là 3.000.000 đồng và 01 ốp lưng điện thoại màu đỏ của máy điện thoại 6S Plus, đã qua sử dụng có giá trị 15.000 đồng. Tổng trị giá mà U chiếm đoạt là **3.015.000 đồng**

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị Tr, giá trị tài sản chiếm đoạt 3.015.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong việc quản lý tài sản nhất là khi phải thuê người xây hay sửa nhà. Đồng thời sau khi phát hiện bị mất trộm chị Tr nhiều lần hỏi bị cáo, nhưng bị cáo không khai nhận, đến khi cơ quan công an mời làm việc bị

cáo mới khai nhận. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

Bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; tài sản thu hồi trả lại cho người bị hại nên thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo qU định tại điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, HĐXX căn cứ vào Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo.

Bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 100 BLHS không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bồi thường số tiền 15.000đ đối với ộp lưng điện thoại của bị hại là có căn cứ , bị cáo đồng ý bồi thường nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qU định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i,h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Phan Văn U (tên gọi khác C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Phan Văn U (tên gọi khác C) 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn được tính từ ngày UBND xã V, huyện Th , tỉnh An Giang nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án

Giao bị cáo Trần Phan Văn U cho UBND xã V để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án . Bị cáo U không phải bị khấu trừ một phần thu nhập

Trách nhiệm dân sự : Áp dụng các Điều 584, 586,589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho bị hại số tiền 15.000đ (mười lăm ngàn đồng)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 , điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Trần Phan Văn U phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo; Bị cáo phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2018). Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qU định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có qUền thỏa thuận thi hành án, qUền yêu cầu thi hành án, tự ngUện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qU định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA – TAND tỉnh An Giang;
- CQ CSĐT Công an huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thùy Trang